

Số 27/KH-SKHCN

Hung Yên, ngày 21 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số trong hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 175/STTTT-BCVTCNTT ngày 28/02/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc phối hợp thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong hoạt động vực khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Phân công nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở triển khai thực hiện Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức thực hiện thành công chuyển đổi số trong hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ, đóng góp vào thành tựu chuyển đổi số của tỉnh.

2. Yêu cầu

2.1. Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại Sở Khoa học và Công nghệ.

2.2. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số phải tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và các văn bản khác của cơ quan chức năng. Khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại Sở.

2.3. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các phòng, đơn vị và cá nhân công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở Khoa học và Công nghệ có sáng kiến áp dụng hiệu quả trong thực hiện Kế hoạch.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (trong đó trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4) được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hoạt động quản lý nhà nước tại Sở sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông quốc gia trong các hoạt động quản lý nhà nước (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 90% tổng số hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của đơn vị để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Phấn đấu 50% các hoạt động kiểm tra của đơn vị được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của đơn vị quản lý.

- Phấn đấu đến hết năm 2022, có trên 80% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

- Cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ đảm bảo cung cấp thông tin cho cộng đồng, doanh nghiệp và phục vụ quản lý nhà nước trên môi trường mạng.

b) Phát triển cơ quan số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng, băng rộng cáp quang cho 100% các phòng, đơn vị trực thuộc Sở; tuyên truyền, khuyến khích các hộ gia đình công chức, viên chức và người lao động trong Sở sử dụng mạng băng rộng cáp quang chiếm tỉ lệ trên 80%.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh đến công chức, viên chức và người lao động trong toàn Sở.

- Phấn đấu tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

3.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển chính quyền số nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ công trực tuyến của Sở.

- 100% tổng số hồ sơ công việc tại Sở được xử lý trên môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Phần đầu trên 70% các hoạt động kiểm tra của đơn vị được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của đơn vị quản lý.

- Hoàn thiện, mở rộng các cơ sở dữ liệu trên các lĩnh vực; cung cấp thông tin cho cộng đồng và doanh nghiệp.

b) Phát triển cơ quan số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập mạng Internet băng rộng cáp quang.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ công chức, viên chức và người lao động có thanh toán điện tử trên 95%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy; Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1.1. Trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

a) Tham mưu UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hoạt động chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh; đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi số để áp dụng vào sản xuất và đời sống.

b) Tổ chức triển khai hỗ trợ chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy nghiên cứu phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

1.2. Xây dựng các ứng dụng, số hóa cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ

a) Xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Số hóa các hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở.

b) Số hóa cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, đổi

mới sáng tạo, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, công chức, viên chức và người lao động.

c) Xây dựng, vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh, kết nối với Công Truy xuất nguồn gốc quốc gia; phấn đấu đến năm 2025 có 100% sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm tiêu biểu, đặc thù của tỉnh được kết nối với Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh và quốc gia.

2. Giải pháp

2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chuyển đổi số

a) Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của Tổ công tác chuyển đổi số của Sở và các phòng, đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; xây dựng văn bản, kế hoạch chi tiết để phân công, phối hợp thống nhất, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các phòng, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

b) Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; kế hoạch được xây dựng cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng phòng, đơn vị; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của Trưởng các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho công chức, viên chức, người lao động và tổ chức, cá nhân liên quan

Chuyển đổi số không chỉ là công việc riêng của hệ thống chính quyền, mà là yêu cầu chung đối với toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong Sở và các tổ chức, cá nhân liên quan. Vì vậy, cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt trên môi trường số về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chuyển đổi số để mọi công chức, viên chức, người lao động và các tổ chức, cá nhân liên quan nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và tự giác tham gia chuyển đổi số, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Ưu tiên nguồn lực tài chính và nhân lực cho chuyển đổi số

a) Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính, huy động và bố trí công chức, viên chức, người lao động của Sở có năng lực chỉ đạo, nghiên cứu và tham mưu thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

b) Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trực tiếp tham mưu, thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở.

2.4. Phát triển hạ tầng số

a) Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trong đơn vị.

Chuyển đổi mạng Internet sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6); dịch vụ trực tuyến của cơ quan sử dụng tên miền quốc gia (.vn); phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT).

b) Tổ chức số hóa 100% dữ liệu chuyên ngành tại Sở. Chuẩn hóa hồ sơ điện tử từ hệ thống mạng văn phòng điện tử liên thông, Cổng dịch vụ công trực tuyến và các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử.

2.5. Phát triển nền tảng số

Thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong việc xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Phối hợp với các cơ quan nhà nước của tỉnh, các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp thực hiện chính sách bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở.

b) Xây dựng và phát triển hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn an ninh mạng và xác định, phát hiện các thông tin vi phạm pháp luật trong hệ thống công nghệ thông tin của đơn vị.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác.

2. Văn phòng Sở tham mưu Giám đốc Sở phân bổ, bố trí kinh phí cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; các đơn vị có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở có trách nhiệm

a) Quán triệt nội dung của Kế hoạch này tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý.

b) Chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyên đổi số trong phòng, đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; tham mưu xây dựng, cập nhật thông tin các ứng dụng, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi được giao phụ trách, quản lý; chủ động đề xuất và triển khai ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực mình phụ trách.

c) Tham mưu triển khai giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến theo mức độ 4 thuộc phạm vi lĩnh vực được giao phụ trách, quản lý.

d) Khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với những dịch vụ, sản phẩm phục vụ chuyển đổi số.

đ) Phối hợp với Văn phòng Sở và đơn vị liên quan tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia liên quan đến chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

e) Định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Văn phòng Sở tổng hợp theo quy định.

2. Văn phòng Sở

a) Là cơ quan Thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch. Trình Giám đốc Sở quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia liên quan đến chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

c) Tham mưu, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Hướng dẫn các phòng, đơn vị lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này báo cáo UBND tỉnh và cơ quan chức năng theo quy định.

3. Phòng Quản lý chuyên ngành

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động của Sở về việc tham gia xây dựng và phát triển Cổng thông tin điện tử của Sở.

b) Tham gia cùng các phòng, đơn vị trong việc đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin, đề xuất kế hoạch đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin; xây dựng cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

c) Xây dựng và số hóa cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, sáng kiến, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phối hợp tham mưu xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao quản lý.

d) Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp tham gia đăng ký giải quyết Thủ tục hành chính mức độ 4 thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

4. Phòng Quản lý công nghệ và thị trường công nghệ

a) Tham mưu xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về lĩnh vực công nghệ và thị trường công nghệ.

b) Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp tham gia đăng ký giải quyết Thủ tục hành chính mức độ 4 thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

c) Phối hợp tham mưu xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ

khoa học và công nghệ được giao quản lý.

5. Phòng Quản lý khoa học

a) Phối hợp cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ để đưa lên Cổng thông tin điện tử của Sở.

b) Chủ trì, phối hợp tham mưu xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao quản lý.

6. Thanh tra Sở

Tham mưu xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý vi phạm hành chính.

7. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

a) Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp tham gia đăng ký giải quyết Thủ tục hành chính mức độ 4 thuộc lĩnh vực được phân công.

b) Tham mưu, xây dựng, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh, kết nối với Cổng truy xuất nguồn gốc quốc gia.

c) Tham mưu xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

8. Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ

a) Tham mưu đề xuất các dự án, nhiệm vụ, nội dung ứng dụng chuyển đổi số phục vụ thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công về khoa học và công nghệ.

b) Chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị xây dựng, cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ để đưa lên Cổng thông tin điện tử của Sở và phục vụ công tác quản lý.

Các phòng, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời thông tin (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Cổng TTĐT (để đăng tải);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Tùng Chuẩn